

DANH SÁCH 622 HỘ GIA ĐÌNH CỦA TỔ 09
ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
1.	Lương Thị Thanh Hường	
2.	Trần Đức Vinh	
3.	Lê Bình Thường	
4.	Nguyễn Thị Đường	
5.	Đinh Tấn Tuấn	
6.	Đinh Tấn Toàn	
7.	Nguyễn Văn Thanh	
8.	Mai Ngọc Bình	
9.	Lý Minh Hiếu	
10.	Hoàng Bảo Khánh	
11.	Lê Tấn Phương	
12.	Nguyễn Mai Hương	
13.	Nguyễn Thị Luyến	
14.	Nguyễn Hoàng Em	
15.	Huỳnh Thị Hoa	
16.	Phạm Quỳnh	
17.	Phạm Văn Sơn	
18.	Nguyễn Văn Nam	
19.	Trần Đăng Thanh	
20.	Trần Đình Tâm	
21.	Đoàn Đức Quang	
22.	Phạm Hồng Vân	
23.	Lê Thế Hòa	
24.	Lê Hoa Viên	
25.	Võ Ngọc Lân	
26.	Trương Thị Đồng Đường	
27.	Bùi Thị Hương	
28.	Bùi Tấn Bảy	
29.	Nguyễn Văn Hòa	
30.	Mai Văn Đây	
31.	Mai Văn Tùng	
32.	Nguyễn Duyên Thạch	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
33.	Mai Văn Luận	
34.	Võ Khải	
35.	Huỳnh Công Đạt	
36.	Nguyễn Ngọc Quỳnh	
37.	Nguyễn Trung Tân	
38.	Tổng Thới Quân	
39.	Nguyễn Hồng Tự	
40.	Phạm Đức Tuấn	
41.	Nguyễn Văn Hòa	
42.	Đoàn Gia Dũng Khanh	
43.	Trần Đình Ngân	
44.	Phạm Ngọc Trung	
45.	Nguyễn Xuân Lợi	
46.	Lê Văn Phi	
47.	Đỗ Thị Mỹ Linh	
48.	Trần Thị Vị	
49.	Nguyễn Thanh Quang Lâm	
50.	Nguyễn Ngọc Minh	
51.	Lê Quang Huy	
52.	Nguyễn Tấn Tài	
53.	Hoàng Anh Tuấn	
54.	Ngô Thị Minh Chi	
55.	Nguyễn Thị Thúy Kiều	
56.	Vương Tế Thế	
57.	Mai Thị Ngọc Hân	
58.	Nguyễn Thành Long	
59.	Nguyễn Văn Quý	
60.	Trần Tiến	
61.	Nguyễn Tành	
62.	Lương Văn Trường	
63.	Bùi Thị Thịnh	
64.	Nguyễn Đốc	
65.	Tô Vinh Dự	
66.	Hồ Thị Ngọc Hạnh	
67.	Nguyễn Văn Minh	
68.	Trần Hiền	
69.	Trần Thị Xị	
70.	Bùi Phụ Long	
71.	Nguyễn Thị Hòa	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
72.	Nguyễn Công Dương	
73.	Đinh Hoài Thương	
74.	Vy Văn Quân	
75.	Nguyễn Tấn Vỹ	
76.	Trần Thị Nên	
77.	Trần Thị Bé	
78.	Trần Đức Tú	
79.	Phan Văn Bình	
80.	Nguyễn Hữu Tiến	
81.	Bùi Phụ Lại	
82.	Bùi Phụ Thọ	
83.	Nguyễn Tam	
84.	Võ Đức Thiệp	
85.	Bùi Phú Thanh	
86.	Bùi Phụ Đẹp	
87.	Phạm Thị Thiết	
88.	Bùi Phụ Dung	
89.	Nguyễn Thị Cúc	
90.	Bùi Phụ Phi Phụng	
91.	Bùi Phụ Tùng Linh	
92.	Nguyễn Kim Quý	
93.	Huỳnh Thanh Quang	
94.	Tạ Thị Mai	
95.	Bùi Duy Tân	
96.	Nguyễn Văn Đạt	
97.	Ngô Văn Nam	
98.	Nguyễn Bá Hiếu	
99.	Bùi Phụ Lễ	
100.	Nguyễn Thanh Khánh	
101.	Trương Minh Chính	
102.	Đoàn Thanh Tâm	
103.	Bùi Phụ Trung	
104.	Nguyễn Thị Tốt	
105.	Trương Hồng Linh	
106.	Huỳnh Tất Thắng	
107.	Trương Thị Mỹ Hồng	
108.	Trương Sỹ Nhân	
109.	Nguyễn Tấn Quang	
110.	Phạm Hoài	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
111.	Bùi Phú Lũy	
112.	Mai Viết Phương	
113.	Lê Thị Oanh Liệt	
114.	Nguyễn Văn Thành	
115.	Võ Văn Giỏi	
116.	Đặng Phước Ngọc Điệp	
117.	Tổng Thị Thiện Vinh	
118.	Bùi Phụ Như Thông	
119.	Bùi Phụ Đạo	
120.	Vũ Quang Vinh	
121.	Đỗ Khắc Công	
122.	Đoàn Văn	
123.	Lê Xuân Hùng(<i>Huỳnh T.Bích Ngọc</i>)	
124.	Nguyễn Thanh Vân	
125.	Võ Nghĩa Hà	
126.	Trần Công Luận	
127.	Trần Đăng Minh	
128.	Lê Văn Lợi	
129.	Võ Duy Toàn	
130.	Võ Thái Thiện	
131.	Nguyễn Văn Đường	
132.	Hồ Ngọc Thịnh	
133.	Trương Cao Hoài Chinh	
134.	Lê Xuân Viên	
135.	Phạm Thị Hận	
136.	Đinh Văn Nam	
137.	Lê Thanh Huy (<i>Phạm Thị Nhất</i>)	
138.	Trương Hoài Tuấn	
139.	Lê Xuân Thắng	
140.	Đặng Văn Thịnh	
141.	Nguyễn Đức Nam (<i>Ng Thị Thùy</i>)	
142.	Lê Đức Thắng (<i>Nguyễn Thị Hạnh</i>)	
143.	Phạm Thị Hồng Mai (<i>Đinh Tiến Công</i>)	
144.	Nguyễn Tự Cường	
145.	Đặng Văn Thương	
146.	Nguyễn Ngọc Duy	
147.	Võ Quốc Trung	
148.	Võ Văn Thành	
149.	Nguyễn Thị Phi Vũ	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
150.	Huỳnh Minh Đạo	
151.	Lê Ngọc Ân	
152.	Nguyễn Quyết Thắng	
153.	Nguyễn Huy Hà	
154.	Nguyễn Hồng Mau	
155.	Trần Trọng Huân	
156.	Huỳnh Thị Nhi	
157.	Bùi Thị Hồng Lý	
158.	Nguyễn Thị Thu Thủy	
159.	Nguyễn Đông Quy	
160.	Nguyễn Quang Tín	
161.	Bùi Thị Hồng Thúy	
162.	Lê Tiến Hùng	
163.	Ngô Hoàng Quang	
164.	Hoàng Nguyễn Linh Giang	
165.	Lê Anh Tuấn	
166.	Phan Tấn Lê	
167.	Phan Chi Tuấn	
168.	Đặng Lê Anh Tuấn	
169.	Phạm Hoàng Thái	
170.	Nguyễn Văn Lễ	
171.	Hoàng Anh Tuấn	
172.	Đỗ Minh Cường	
173.	Lê Thị Uyên	
174.	Lâm Như Hoàng	
175.	Ngô Thị Nga	
176.	Đỗ Thị Hương	
177.	Huỳnh Quang Trung	
178.	Nguyễn Văn Luận	
179.	Nguyễn Thành Phương	
180.	Trần Chí Hồng	
181.	Trần Văn Vinh	
182.	Nguyễn Văn Hưng	
183.	Lê Văn Sơn	
184.	Nguyễn Văn Hùng	
185.	Trần Thị Nhã Trang	
186.	Võ Văn Trường	
187.	Hồ Thanh Tuấn (<i>Võ Thị Oanh</i>)	
188.	Nguyễn Vũ Trị	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
189.	Huỳnh Đỗ Nam	
190.	Nguyễn Hữu Tuấn	
191.	Phạm Quốc Dũng	
192.	Huỳnh Minh An	
193.	Trần Thị Đông	
194.	Trần Thị Bốn	
195.	Nguyễn Tài Sơn	
196.	Nguyễn Văn Cường	
197.	Vũ Phụng Hiếu	
198.	Trần Văn Thu	
199.	Lê Thị Quới	
200.	Đào Ngọc Thanh	
201.	Võ Tiến Cầu	
202.	Phan Thanh Khương	
203.	Phùng Văn Tường	
204.	Dương Quang Tiên	
205.	Nguyễn Thanh Bình	
206.	Đặng Bảo Tuấn	
207.	Lê Sỹ Khoa	
208.	Đinh Thị Hạnh (<i>Tùng</i>)	
209.	Phạm Nam Việt	
210.	Nguyễn Thị Quế	
211.	Lê Thị Minh Châu	
212.	Mai Hữu Toàn	
213.	Cao Thị Cẩm	
214.	Đồng Trinh Trương	
215.	Nguyễn Thị Lan	
216.	Đồng Trinh Sanh	
217.	Nguyễn Thị Lễ	
218.	Nguyễn Thị Cúc	
219.	Bùi Tấn Bình	
220.	Võ Văn Tuấn	
221.	Võ Thanh Duy	
222.	Nguyễn Văn Rơi	
223.	Trần Văn Bản	
224.	Nguyễn Khánh An	
225.	Ngô Minh Trâm	
226.	Cao Việt Thái	
227.	Nguyễn Quốc Khải	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
228.	Bành Tấn Đại	
229.	Nguyễn Văn Nam	
230.	Lê Tấn Diêu	
231.	Nguyễn Vũ	
232.	Lê Thị Nhung	
233.	Nguyễn Trọng Nghĩa	
234.	Nguyễn Văn Linh (<i>Hồng</i>)	
235.	Trần Đăng Khoa	
236.	Nguyễn Văn Xuân	
237.	Hồ Hoàng Thái	
238.	Huỳnh Đình Thành	
239.	Nguyễn Văn Lâm	
240.	Nguyễn Phường	
241.	Nguyễn Văn Chính	
242.	Trần Thị My	
243.	Lê Thị Vân Thanh	
244.	Võ Thúy Hiền	
245.	Trần Ngọc Tường	
246.	Đào Tấn Thành	
247.	Lê Minh Cường	
248.	Huỳnh Thị Phụng (<i>Đó</i>)	
249.	Trần Thị Ngọc Lan	
250.	Xa Thanh Huệ	
251.	Nguyễn Thanh Tùng	
252.	Đặng Hồng Thắng	
253.	Võ Thị Phổ	
254.	Nguyễn Mậu Hùng	
255.	Nguyễn Văn Hiếu	
256.	Nguyễn Thị Xuân Hương	
257.	Nguyễn Văn Tâm	
258.	Võ Văn Đức	
259.	Phan Nhân	
260.	Phạm Quốc Thắng	
261.	Lê Hoa	
262.	Dương Văn Phú	
263.	Nguyễn Minh Vương	
264.	Dương Văn Hòa	
265.	Lê Hữu	
266.	Lê Lâm	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
267.	Nguyễn Ngọc Nguyên	
268.	Nguyễn Thị Như Luận	
269.	Lê Thị Thu Hương	
270.	Phạm Thị Yến	
271.	Phạm Văn Minh	
272.	Lê Minh Tuấn	
273.	Phan Ngô	
274.	Nguyễn Trọng Hiền	
275.	Lê Thị Tuyết Sương	
276.	Nguyễn Thị Vòng	
277.	Võ Văn Sỹ	
278.	Phạm Ngọc Sang	
279.	Nguyễn Văn Tuấn	
280.	Huỳnh Tấn Tài	
281.	Lương Ngô Pin	
282.	Trương Quang Trung	
283.	Trần Thị Bảy	
284.	Lê Trường	
285.	Phan Tấn Trai	
286.	Đặng Thái Sơn	
287.	Huỳnh Ngọc Ngôn	
288.	Phan Viết Duy	
289.	Nguyễn Quốc Toàn	
290.	Lê Duy Sơn	
291.	Phan Quang Huy	
292.	Đào Văn Lâm	
293.	Nguyễn Quang Nghiêm	
294.	Lê Hồng Hoanh	
295.	Lê Duy Tấn	
296.	Phan Hoài Hưng	
297.	Vương Thanh Hùng	
298.	Mai Anh Rân	
299.	Phan Tấn Hồng	
300.	Nguyễn Thị Tuyết	
301.	Nguyễn Tấn Quang	
302.	Nguyễn Công	
303.	Nguyễn Thị Diệu Linh	
304.	Lê Thị Mão	
305.	Phan Thị Giới	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
306.	Nguyễn Thị Yến	
307.	Nguyễn Trung Tri	
308.	Nguyễn Phi Đức	
309.	Nguyễn Văn Thường	
310.	Đỗ Thị Kim Lành	
311.	Bùi Thuột	
312.	Lê Hải	
313.	Mai Thị Điều	
314.	Phan Văn Minh	
315.	Phan Nhàn	
316.	Phan Văn Lục	
317.	Phan Tấn Hiệp	
318.	Tôn Nhật Tiên	
319.	Võ Thành Thanh	
320.	Thái Thanh Quý	
321.	Huỳnh Nguyên Tường	
322.	Nguyễn Trường Thọ	
323.	Nguyễn Trường Sơn	
324.	Trần Oanh	
325.	Ngô Cao Câu	
326.	Phạm Trung Hậu	
327.	Võ Hoàng Duy	
328.	Bùi Tá Hương	
329.	Nguyễn Đức Tài	
330.	Nguyễn Trí Đạt	
331.	Mai Quốc Hợp	
332.	Đào Đình Thám	
333.	Trương Thanh Hồng	
334.	Lê Thị Hòa	
335.	Tạ Thị Thọ	
336.	Hà Phương Tuấn	
337.	Nguyễn Hồng Hải	
338.	Huỳnh Phúc Ấn	
339.	Lê Hồng Khâm	
340.	Lê Hồng Thuỳ	
341.	Nguyễn Thị Mỹ Dung	
342.	Nguyễn Quốc Huy	
343.	Phan Thạnh	
344.	Nguyễn Triều	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
345.	Phan Thị Hơ	
346.	Phan Tấn Quý	
347.	Nguyễn Lợi	
348.	Lê Văn Thạnh (<i>Hằng Lý Sơn</i>)	
349.	Nguyễn Tùng Lâm	
350.	Võ Tấn Tường	
351.	Nguyễn Thị Huyền	
352.	Huỳnh Tấn Cường	
353.	Nguyễn Mẫn	
354.	Nguyễn Xuân Nghĩa	
355.	Phạm Thị Phần	
356.	Trần Duy Phương	
357.	Nguyễn Thị Kim Liên	
358.	Trương Quang Dũng	
359.	Phan Trí	
360.	Nguyễn Duy Sum	
361.	Phạm Văn Lập	
362.	Nguyễn Thị Dưỡng	
363.	Nguyễn Xuân Hạnh	
364.	Trần Thị Quách Trang	
365.	Trần Thị Thanh Truyền	
366.	Võ Thành Tâm	
367.	Nguyễn Văn Hoàng	
368.	Nguyễn Thị Thành	
369.	Nguyễn Văn Tiếng	
370.	Nguyễn Tấn Thiện	
371.	Nguyễn Thị Chử	
372.	Võ Đình Hiệp	
373.	Nguyễn Cường	
374.	Trần Thứ	
375.	Nguyễn Văn Long	
376.	Nguyễn Văn Minh	
377.	Bạch Tấn Hòa	
378.	Nguyễn Sơn Thủy	
379.	Nguyễn Tấn Sang	
380.	Mai Văn Hường	
381.	Mai Thị Ngọc	
382.	Lê Văn Mạnh	
383.	Nguyễn Xuân Long	
384.	Phạm Khắc Duyệt	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
385.	Trần Như Tín	
386.	Mai Văn Duyệt	
387.	Trần Ngọc Hưng	
388.	Trần Đăng Quang Thuận	
389.	Cao Việt Hùng	
390.	Nguyễn Thị Đạm	
391.	Nguyễn Như Hoàng	
392.	Nguyễn Bảo Tri	
393.	Hồ Thị Cúc	
394.	Đỗ Ngọc Danh	
395.	Trần Ngọc Tư	
396.	Mai Văn Xuân	
397.	Bùi Khánh Hùng	
398.	Võ Thị Đợi	
399.	Huỳnh Minh Lượng	
400.	Nguyễn Trọng Vỹ	
401.	Nguyễn Văn Khoa	
402.	Nguyễn Đức Vĩnh	
403.	Bạch Bùi Ngọc Thuận	
404.	Từ Tùng Dương	
405.	Hoàng Văn Long	
406.	Nguyễn Ngọc Nam	
407.	Trần Nhân	
408.	Hồ Say Lén	
409.	Cao Văn Thế	
410.	Lê Thanh Long	
411.	Tô Văn Tụy	
412.	Bùi Phụ Đoàn	
413.	Bùi Phụ Lạc	
414.	Phạm Thị Thú	
415.	Nguyễn Hùng	
416.	Lê Thanh Ngai	
417.	Lê Quang Khánh	
418.	Võ Tấn Đông	
419.	Phạm Văn Thử	
420.	Lê Thị Ân	
421.	Nguyễn Thị Hường	
422.	Nguyễn Quốc Bảo	
423.	Đinh Hồng Đăng	
424.	Bùi Thị Kỳ	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
425.	Nguyễn Văn Tuấn	
426.	Bùi Thị Hoa	
427.	Đỗ Thành Vương	
428.	Đỗ Thành Bằng	
429.	Đoàn Thị Thanh Hương	
430.	Võ Cường	
431.	Tạ Thị Xuân Nguyệt	
432.	Huỳnh Quốc Việt	
433.	Bùi Thị Thanh Nga	
434.	Bùi Sâm	
435.	Tạ Thị Phương Hoa	
436.	Phan Thị Thoại	
437.	Bùi Đức Châu	
438.	Đặng Thành Vũ	
439.	Ngô Văn Minh	
440.	Dương Văn Long	
441.	Nguyễn Văn Học	
442.	Cao Minh Thắng	
443.	Bùi Thị Ngộ	
444.	Nguyễn Ngọc Hiến	
445.	Nguyễn Ngọc Tuấn	
446.	Trương Ngọc Vương	
447.	Dương Văn Bình	
448.	Nguyễn Thanh Hiếu	
449.	Bùi Văn Dự (<i>Lê Thị Thảo</i>)	
450.	Ngô Minh Tuấn	
451.	Xa Thanh Phương	
452.	Phan Đông	
453.	Phan Tấn Lượng	
454.	Phan Tấn Lực	
455.	Bùi Thị Vân	
456.	Nguyễn Văn Thao	
457.	Nguyễn Phú	
458.	Phạm Văn Tuấn	
459.	Lê Tấn Nguyên	
460.	Nguyễn Quốc Trung	
461.	Phan Thị Có	
462.	Nguyễn Thanh	
463.	Phạm Văn Thành	
464.	Trần Thị Phúc	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
465.	Huỳnh Tấn Vũ (<i>Yến Phượng</i>)	
466.	Lê Hoàng Khánh	
467.	Phạm Thị Ý Nguyên	
468.	Nguyễn Thị Thuyết	
469.	Huỳnh Ngọc Anh Văn	
470.	Huỳnh Ngọc Anh Vũ	
471.	Trần Công Viên	
472.	Nguyễn Đức Hiếu	
473.	Bùi Thị Thời	
474.	Bùi Phụ Tiến	
475.	Trần Thị Ánh Hồng	
476.	Võ Thị Ny	
477.	Đặng Thị Sinh	
478.	Trần Thị Kim Trinh	
479.	Nguyễn Thị Hồng Xuân	
480.	Bùi Phụ Hồng	
481.	Trần Thị Hòa	
482.	Phạm Đức Linh	
483.	Phạm Đức Quang	
484.	Trần Công Kết	
485.	Trần Công Đoàn	
486.	Trần Công Văn	
487.	Nguyễn Duy Bình	
488.	Võ Thành Long	
489.	Võ Giàu	
490.	Bùi Thị Chi (3 Giàu)	
491.	Nguyễn Đức	
492.	Nguyễn Văn Lý	
493.	Nguyễn Như Tuyết	
494.	Huỳnh Quang Trung	
495.	Đoàn Thành Được	
496.	Nguyễn Văn Dung	
497.	Văn Minh Đạt	
498.	Phạm Thị Thu Nguyệt	
499.	Phạm Việt Phương	
500.	Phan Thị Liên	
501.	Phạm Thị Bình	
502.	Lê Văn Phương	
503.	Nguyễn Thị Kim Oanh	
504.	Hoàng Đặng Hòa	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
505.	Trần Hàn Ngọc	
506.	Lê Đình Nghiệp	
507.	Lê Đình Lâm	
508.	Phan Hoàng Nhã	
509.	Nguyễn Đức Toàn	
510.	Đặng Ngọc Huy	
511.	Đỗ Viết Hà	
512.	Trần Quang Trung	
513.	Mai Văn Tửu	
514.	Mai Văn Quý Vũ	
515.	Đặng Xuân Hải	
516.	Nguyễn Quốc Khánh	
517.	Hồ Thành	
518.	Phạm Thị Hữu	
519.	Mai Văn Tuấn	
520.	Lâm Tấn Viễn	
521.	Huỳnh Văn Nở	
522.	Lê Danh	
523.	Tạ Thị Được	
524.	Lê Tiên	
525.	Lê Tài	
526.	Phạm Công Toan	
527.	Trương Kim Hoàng	
528.	Nguyễn Tấn Quang	
529.	Nguyễn Thị Thiện	
530.	Nguyễn Viết Hưng	
531.	Phạm Văn Huy	
532.	Ngô Thị Thu Dung	
533.	Bùi Minh Hồng	
534.	Bùi Mạnh Hà	
535.	Trần Công Hưng	
536.	Bùi Thị Minh Hương	
537.	Bùi Tá Phu	
538.	Phạm Ngọc Anh	
539.	Lê Tuấn Ty	
540.	Đinh Văn Thành	
541.	Lương Việt Lực	
542.	Phạm Ngọc Huệ	
543.	Lê Vũ Cẩm	
544.	Trương Hoài Nam	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
545.	Trương Hoài Phúc	
546.	Phan Thị Tuyết	
547.	Lý Đức Thắng	
548.	Lê Đình Đông	
549.	Võ Tiến Dũng	
550.	Võ Quang Kiêm	
551.	Võ Quang Tuấn	
552.	Nguyễn Thị Thu	
553.	Trần Xuân Hải	
554.	Võ Thị Bích Thủy	
555.	Phạm Ngọc Hồng	
556.	Đỗ Thị Thế	
557.	Huỳnh Thị Thúy Diễm	
558.	Trần Văn Đông	
559.	Lê Duy Hùng	
560.	Võ Thị Thu	
561.	Lê Mỹ Sơn	
562.	Võ Thương	
563.	Nguyễn Mậu	
564.	Nguyễn Thị Bình	
565.	Trần Thị Diễm (<i>Trần Quang Thi</i>)	
566.	Nguyễn Văn Nguyên	
567.	Nguyễn Hồng Nga	
568.	Nguyễn Văn Tâm	
569.	Phạm Ngọc Tiến	
570.	Lê Tấn Hương	
571.	Lê Út	
572.	Lê Tấn Hùng	
573.	Lê Thị Huệ	
574.	Nguyễn Văn Bốn	
575.	Nguyễn Thanh Hiên	
576.	Nguyễn Quang Đại	
577.	Bùi Thị Phụng	
578.	Đinh Ân	
579.	Lưu Thị Thu Trúc	
580.	Tổng Thị Dung	
581.	Bùi Tấn Nhơn	
582.	Bùi Thị Bé	
583.	Lê Công	
584.	Trần Thị Thanh	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
585.	Nguyễn Nhưòng	
586.	Nguyễn Mỹ	
587.	Nguyễn Văn Tâm	
588.	Nguyễn Tới	
589.	Nguyễn Quý	
590.	Phạm Quang Khánh	
591.	Vương Mỹ Linh	
592.	Phạm Công	
593.	Phạm Tấn Sỹ	
594.	Phạm Tấn Lực	
595.	Phan Duy Khánh	
596.	Võ Thị Ký	
597.	Đồng Văn Thiện	
598.	Đặng Minh Thảo	
599.	Trương Minh Thuận	
600.	Nguyễn Viết Thiên	
601.	Nguyễn Thanh Định	
602.	Lê Quang Dũng	
603.	Trần Thị Nghĩ	
604.	Lê Quang Hùng	
605.	Nguyễn Văn Huy	
606.	Ngô Thái Dương	
607.	Trần Bá Ứng	
608.	Quảng Kim Thành	
609.	Lê Quang Đức	
610.	Nguyễn Trường Vũ	
611.	Huỳnh Duy Thảo	
612.	Nguyễn Cao Hiền	
613.	Nguyễn Hùng Lâm	
614.	Nguyễn Chí Thanh	
615.	Đỗ Hữu Sinh	
616.	Bùi Trọng Vũ	
617.	Phạm Văn Nở	
618.	Phạm Ngọc Tuấn	
619.	Nguyễn Văn Thông	
620.	Phạm Tặng	
621.	Phạm Đoàn	
622.	Phạm Thị Vân	

